

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành			Mức kê khai mới			Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ			
2	Dầu DO 0,05%	TCVN	đ/lit	23.050		23.050	23.590		23.590	540	2,34	
VII CN Tổng Công ty TM-XNK Thanh Lễ - CTCP Tại An Giang												
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lit	25.070		25.070	25.940		25.940	870	3,47	
3	Dầu DO 0,05S-II	TCVN	đ/lit	23.250		23.250	23.790		23.790	540	2,32	
VIII CN Cty CPTM Dầu khí Cửu Long tại An Giang												
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lit	23.670		23.670	24.390		24.390	720	3,04	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lit	25.070		25.070	25.940		25.940	870	3,47	
3	Dầu DO 0,05S-II	TCVN	đ/lit	23.250		23.250	23.790		23.790	540	2,32	
IX Công ty TNHH Dương Đông - An Giang												
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lit	23.670		23.670	24.390		24.390	720	3,04	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lit	25.070		25.070	25.940		25.940	870	3,47	
3	Dầu DO 0,05S-II	TCVN	đ/lit	23.250		23.250	23.790		23.790	540	2,32	
X Công ty cổ phần TMBĐT Dầu khí Nam Sông Hậu												
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lit	23.670		23.670	24.390		24.390	720	3,04	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lit	25.070		25.070	25.940		25.940	870	3,47	
3	Dầu DO 0,05S-II	TCVN	đ/lit	23.250		23.250	23.790		23.790	540	2,32	
XI CÔNG TY TNHH TM - DV MỸ HÒA												
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lit	23.670		23.670	24.390		24.390	720	3,04	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lit	25.070		25.070	25.940		25.940	870	3,47	
3	Dầu DO 0,05S-II	TCVN	đ/lit	23.250		23.250	23.790		23.790	540	2,32	
XII DNTN Hiệp Hưng												
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lit	25.070		25.070	25.940		25.940	870	3,47	
2	Dầu DO 0,05%	TCVN	đ/lit	23.250		23.250	23.790		23.790	540	2,32	
XIII Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang												
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lit	23.670		23.670	24.390		24.390	720	3,04	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lit	25.070		25.070	25.940		25.940	870	3,47	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành				Mức kê khai mới				Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Giá kê khai	Giá kê khai bán lẻ			
3	Dầu DO 0,05S-II	TCVN	d/lit	23.250		23.250	23.790		23.790		23.790	540	2,32	
4	Dầu DO 0,001S-V	TCVN	d/lit	24.110		24.110	24.650		24.650		24.650	540	2,24	
5	Dầu hỏa 2-K	TCVN	d/lit	23.640		23.640	24.280		24.280		24.280	640	2,71	
XIV	DNTN An Kiên ✓													
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	d/lit	23.670		23.670	24.390		24.390		24.390	720	3,04	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lit	25.070		25.070	25.940		25.940		25.940	870	3,47	
3	Dầu DO 0,05S-II	TCVN	d/lit	23.250		23.250	23.790		23.790		23.790	540	2,32	
XV	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hòa Bình ✓													
2	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lit	25.070		25.070	25.940		25.940		25.940	870	3,47	
3	Dầu DO 0,05S-II	TCVN	d/lit	23.250		23.250	23.790		23.790		23.790	540	2,32	
XVI	Tổng Đại lý DNTN Tương Dung ✓													
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	d/lit	23.670		23.670	24.390		24.390		24.390	720	3,04	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lit	25.070		25.070	25.940		25.940		25.940	870	3,47	
3	Dầu DO 0,05S-II	TCVN	d/lit	23.250		23.250	23.790		23.790		23.790	540	2,32	

An Giang, ngày 27 tháng 09 năm 2023

PHÒNG QUẢN LÝ GIÁ - CÔNG SẢN

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

LẬP BIỂU

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hậu

Lê Hoàng Quốc Việt